

Số: /QĐ-THPTTBBD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách Quý 1 năm 2026 của Trường THPT Tân Bình – Bình Dương

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước ;

Căn cứ Quyết định số 2801/QĐ-SGD&ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 503/QĐ-SGD&ĐT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 01).

Căn cứ Quyết định số 791/QĐ-SGD&ĐT ngày 17 tháng 03 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 02).

Căn cứ nhu cầu chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, các khoản hoạt động thực tế quý I năm 2026 của trường THPT Tân Bình – Bình Dương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý I năm 2026 của Trường THPT Tân Bình – Bình Dương (Kèm đối chiếu dự toán quý 01 năm 2026 và biểu số 75).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu trưởng, Kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu VT;

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thế Cường

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
03 THÁNG (TỪ THÁNG 01 ĐẾN THÁNG 03 NĂM 2026)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường THPT Tân Bình - Bình Dương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 03 tháng như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Học phí cấp bù	492,000,000			
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp....				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		179,176,693		
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				

	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	4,713,674,750	2,943,013,853	62%	0
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4,713,674,750	2,943,013,853	62%	
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				

TP Hồ Chí Minh, Ngày 13 tháng 04 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Thế Cường

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2026

Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9=5-7
12	074	00000	0	8.372.845.000	8.777.965.000	8.777.965.000	8.777.965.000	2.943.013.853	2.943.013.853	0	5.834.951.147
14	074	00000	93.794.175	9.634.734.000	9.634.734.000	9.634.734.000	9.728.528.175	0	0	0	9.728.528.175
18	074	00000	0	442.000.000	442.000.000	442.000.000	442.000.000	0	0	0	442.000.000
Cộng:			93.794.175	18.449.579.000	18.854.699.000	18.854.699.000	18.948.493.175	2.943.013.853	2.943.013.853	0	16.005.479.322
Phần KBNN ghi:											

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 7 tháng 4 năm 2026

Kế toán

Kiểm soát

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

Ut Tran Thi

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Dung
Ngày ký: 07/04/2026 17:46:25
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực II-PGD số 20

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 6 tháng 4 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Hà Thị Thủy
Ngày ký: 06/04/2026 10:39:59
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Tân Bình - Bình Dương

Người ký: Nguyễn Thế Cường
Ngày ký: 06/04/2026 12:41:47
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Tân Bình - Bình Dương

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã nội dung kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	074	6001	00000	0	0	1.124.504.190	1.124.504.190	1.124.504.190	1.124.504.190
Phụ cấp chức vụ	12	074	6101	00000	0	0	24.570.000	24.570.000	24.570.000	24.570.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	074	6112	00000	0	0	311.504.217	311.504.217	311.504.217	311.504.217
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12	074	6113	00000	0	0	3.159.000	3.159.000	3.159.000	3.159.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	12	074	6115	00000	0	0	181.608.432	181.608.432	181.608.432	181.608.432
Chi khác	12	074	6299	00000	0	0	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000
Bảo hiểm xã hội	12	074	6301	00000	0	0	452.409.313	452.409.313	452.409.313	452.409.313
Bảo hiểm y tế	12	074	6302	00000	0	0	79.836.937	79.836.937	79.836.937	79.836.937
Bảo hiểm thất nghiệp	12	074	6304	00000	0	0	26.612.315	26.612.315	26.612.315	26.612.315
Các khoản đóng góp khác	12	074	6349	00000	0	0	13.306.155	13.306.155	13.306.155	13.306.155
Tiền điện	12	074	6501	00000	0	0	34.844.161	34.844.161	34.844.161	34.844.161
Tiền vệ sinh, môi trường	12	074	6504	00000	0	0	972.000	972.000	972.000	972.000

Vật tư văn phòng khác	12	074	6599	00000	0	0	21.313.600	21.313.600	21.313.600	21.313.600
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	12	074	6601	00000	0	0	134.533	134.533	134.533	134.533
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	12	074	6605	00000	0	0	5.016.000	5.016.000	5.016.000	5.016.000
Khoản công tác phí	12	074	6704	00000	0	0	4.200.000	4.200.000	4.200.000	4.200.000
Thuê phương tiện vận chuyển	12	074	6751	00000	0	0	20.600.000	20.600.000	20.600.000	20.600.000
Thuê thiết bị các loại	12	074	6754	00000	0	0	700.000	700.000	700.000	700.000
Tài sản và thiết bị chuyên dùng	12	074	6905	00000	0	0	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	12	074	6912	00000	0	0	8.950.000	8.950.000	8.950.000	8.950.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	12	074	6913	00000	0	0	5.800.000	5.800.000	5.800.000	5.800.000
Đường điện, cấp thoát nước	12	074	6921	00000	0	0	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	12	074	7053	00000	0	0	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000
Chi các khoản phí và lệ phí	12	074	7756	00000	0	0	3.573.000	3.573.000	3.573.000	3.573.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	074	7766	00000	0	0	492.000.000	492.000.000	492.000.000	492.000.000
Chi các khoản khác	12	074	7799	00000	0	0	104.350.000	104.350.000	104.350.000	104.350.000
Cộng:					0	0	2.943.013.853	2.943.013.853	2.943.013.853	2.943.013.853

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 7 tháng 4 năm 2026

Kế toán

Kiểm soát

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

Ut Tran Thi

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 6 tháng 4 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Dung
Ngày ký: 07/04/2026 17:40:14
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực II-PGD số 20

Nguyễn Thị Mỹ Dung

Người ký: Hà Thị Thùy
Ngày ký: 05/04/2026 22:42:05
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Tân Bình - Bình Dương

Hà Thị Thùy

Người ký: Nguyễn Thế Cường
Ngày ký: 06/04/2026 07:45:53
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Tân Bình - Bình Dương

Nguyễn Thế Cường